

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ - ST
Ngày 24-6-2021
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Minh và ông Nông Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/TLST – HNGĐ ngày 26/3/2021 về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị Th; SN: 1988

Trú tại: Bản N, xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Bị đơn: Anh Lò Văn K; SN: 1989

Nơi ĐKKHKT: Bản Na Lao, xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Chỗ ở hiện nay: Bản Xẻ 1, xã Phú Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

(Chị Thành, anh K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/3/2021 và lời khai trong bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lò Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn Nhân: Chị Lò Thị Th và anh Lò Văn K kết hôn năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. chị Th và anh K kết hôn tự nguyện không ai bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là tính tình không

không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành. Đến khoảng giữ năm 2018 thì vợ chồng ly thân, hiện chị Th không còn tình cảm với anh K, vì vậy chị Th đề nghị được ly hôn với anh K.

Về con chung, con riêng: chị Th và anh K có 02 con chung là Lò Thị Hà V, sinh ngày 22/02/2011 và Lò Thị Thảo M, sinh ngày 16/01/2015. Vợ chồng ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà V cho đến khi cháu V thành niên và có khả năng lao động, chị đồng ý để cháu Thảo M cho anh K trực nuôi dưỡng cháu Thảo M cho đến khi cháu Thảo M thành niên và có khả năng lao động. Do mỗi người nuôi một con nên chị Th không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có; nợ phải trả: chị Th không đề nghị Tòa giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Lò Văn K qua đường bưu điện với hình thức gửi bảo đảm và thực hiện việc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự do anh Thành đi làm ăn xa không về được.

Ngày 29/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải chị Th có mặt, anh K vắng mặt. Tòa án đã thực hiện việc gửi thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ cho anh K theo quy định của pháp luật.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 15/6/2021 anh K giao nộp Tòa án giao nộp bản tự khai.

Tại bản tự khai ngày 15/6/2021 và lời khai tại phiên bị đơn anh Lò Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn K công nhận anh và chị Th lấy nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn như chị Th khai nhận. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian ly thân anh K đều nhất trí với ý kiến của chị Th. Nay chị Th đề nghị giải quyết ly hôn anh K không đồng ý và đề nghị Tòa xem xét.

Về con chung, con riêng: anh K công nhận vợ chồng có 02 con chung như ý kiến của chị Th. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh K nhất trí việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung như ý kiến của chị Th.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có; nợ phải trả: anh K không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa chị Th và anh K không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Điều 82 ; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Lò Thị Th được ly hôn anh Lò Văn K. Giao cháu Lò Thị Hà V, sinh ngày 22/02/2011 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Lò Thị Thảo M, sinh ngày 16/01/2015 cho anh K trực nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thảo M thành niên và có khả năng lao động. chị Th và anh K không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có; nợ phải trả: chị Th và anh K không đề nghị Tòa giải quyết nên không xem xét. chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Lò Văn K và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lò Thị Th, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Lò Văn K có hiện đang sinh sống tại xã Phú Lương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: chị Th và anh K kết hôn năm 2010, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: chị Th và anh K kết hôn năm 2010, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Cả hai đều thừa nhận hai bên kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của chị Th và anh K là hợp pháp. chị Th có đơn xin ly hôn với anh K là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2021 chính quyền địa phương nơi chị Th và anh K sinh sống đều xác nhận chị Th và anh K do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, hai bên đã ly thân, anh K đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2019 đến nay. Trong

thời gian ly thân hai bên không đi lại thăm nom, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, tại phần hỏi anh K đã đồng ý ly hôn với chị Th nên việc chị Th xin ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh K.

[5]. Về con chung, con riêng: chị Th và anh K có 02 con chung là Lò Thị Hà V, sinh ngày 22/02/2011 và Lò Thị Thảo M, sinh ngày 16/01/2015. Vợ chồng ly hôn chị Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hà V đồng ý để cháu Thảo M cho anh K nuôi dưỡng. Do mỗi người đã nuôi 01 con nên chị Th không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. anh K đồng ý với ý kiến của chị Th về việc nuôi con và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con khi vợ chồng ly hôn như ý kiến của chị Th. Tại bản tự khai ngày 04/5/2021 cháu Hà V có ý kiến được ở với mẹ, nguyện vọng của chị Th phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà V. chị Th và anh K thống nhất được việc nuôi con, việc thống nhất phù hợp với nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao cháu Hà Vy cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Vy thành niên và có khả năng lao động, giao cháu Thảo My cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thảo My thành niên và có khả năng lao động. chị Th và anh K không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

[6]. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có; nợ phải trả: chị Th và anh K không đề nghị Tòa giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Th phải chịu 300.000 đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Nguyên đơn chị Lò Thị Th được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Hà V, sinh ngày 22/02/2011 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Lò Thị Thảo M, sinh ngày 16/01/2015 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thảo M thành niên và có khả năng lao động. chị Th và anh K không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có; nợ phải trả: chị Th và anh K không đề nghị Tòa giải quyết.

4. Về án phí: chị Th phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0000912, ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên. chị Th đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: chị Th, anh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/6/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thu Hương

